

TẠI SAO DOANH NGHIỆP KIẾT SỨC VÀ CHÍNH PHỦ PHẢI LÀM GÌ ĐỂ CỨU DOANH NGHIỆP

Bùi Ngọc Huyền*

1. Đặt vấn đề

Giai đoạn từ năm 2007 đến nay Đảng và Chính phủ đã rất quan tâm đến sự tăng trưởng và yêu cầu tăng trưởng bền vững là cấp bách, sống còn. Tăng trưởng bền vững của nền kinh tế chính là làm sao các doanh nghiệp Việt Nam kể cả doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp trong nước có sức cạnh tranh với các nước trong khu vực và quốc tế. Việt Nam đã hội nhập một cách sâu và rộng sau 5 năm gia nhập WTO, tuy nhiên năng suất lao động của Việt Nam còn thấp hơn Trung Quốc 4 lần, thấp hơn một số nước Asean như Thái Lan 6 lần, Malaysia 8 lần. Nguyên nhân của năng suất lao động thấp kém chính là việc chậm đầu tư công nghệ hiện đại trong sản xuất và quản lý và còn một loạt nguyên nhân phụ khác như các chính sách khuyến khích kinh tế của Chính phủ đưa ra không được các Bộ, địa phương thực thi, vòng luẩn quẩn của lạm phát và lãi suất ngân hàng khi lãi suất ngân hàng tăng cao kéo theo lạm phát tăng cao và ngược lại. Đây là vấn đề có tính nhân quả, 2 mặt, song đa số chỉ nói rằng do lạm phát nên tăng lãi suất mà ít người nói rằng lãi suất tăng cao làm lạm phát vọt lên nhưng phân tích kỹ khi chúng ta đưa lãi suất lên và lạm phát tăng và cứ lặp lại hiện tượng cái nọ đẩy cái kia.

Thời gian qua đã có rất nhiều bài viết của các chuyên gia phân tích, đánh giá về vấn đề lạm phát, suy thoái ... Do nhiều nguyên

nhân mà chủ yếu là điều khiển lãi suất và giá cả các mặt hàng năng lượng thiếu linh hoạt, thiếu dự báo và phân tích thực tế một cách kịp thời nên chỉ tiêu kinh tế Việt Nam giảm dần từ quý II- 2011. Nếu loại trừ các doanh nghiệp FDI ra thì có thể thấy cho đến quý I- 2012 trong ngành công nghiệp chế tạo, chế biến chỉ số tăng trưởng ở các doanh nghiệp nội địa gần như bằng 0 hoặc là âm, còn các doanh nghiệp FDI tăng được trên 8% (số liệu chỉ tương đối chính xác). Tăng trưởng tín dụng bị âm do doanh nghiệp không đủ tài sản thế chấp, nhưng phần chính lãi suất cao cho nên các doanh nghiệp không dám đầu tư sản xuất kinh doanh. Các ý kiến đề xuất giải pháp đã có nhiều nhưng chưa phân tích, tổng hợp một cách toàn diện để Chính phủ có thể tìm ra một chiến lược, các giải pháp đưa nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng và đẩy nền kinh tế đó phát triển một cách bền vững, mạnh mẽ.

Bài viết này nêu một số nguyên nhân làm doanh nghiệp suy yếu và đề xuất với Chính phủ những giải pháp cần thực hiện để trợ giúp doanh nghiệp.

2. Đầu vào tăng quá nhanh – Nguyên nhân chủ yếu làm doanh nghiệp kiệt sức

Nền kinh tế kiệt quệ, các doanh nghiệp suy yếu, rất nhiều doanh nghiệp đứng trên bờ vực phá sản do nhiều nguyên nhân gây ra, trong đó có cả do năng lực, trình độ quản lý kém, tuy nhiên nguyên nhân chính vẫn là

* Bùi Ngọc Huyền, Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần VINAXUKI.

vẫn là dầu vào của doanh nghiệp lãng quá nhanh. Điều này thể hiện ở một số yếu tố chính sau đây:

Thuế tài nguyên, tiền đền bù đất

Từ năm 2007 nhiều địa phương lạm dụng tăng tiền đền bù đất và cuối năm 2009 Bộ Tài nguyên môi trường xây dựng và đề nghị Thủ tướng Chính phủ đưa ra quyết định 69, đưa giá đất lên 2,5 đến 5 lần, trên cơ sở đây ngành Tài chính và thuế cũng đưa giá thuê đất và thuế đất tăng lên với mức tương ứng như thế

Giá năng lượng

Giá năng lượng của thế giới tăng quá cao đây là phần khách quan, nhưng phần chủ quan giá năng lượng của Việt Nam thiếu sự ổn định, thiếu chính sách để quản lý. Phải xét từng ngành cụ thể:

- *Dầu khí*: đã khai thác và tự túc được 50% lượng dầu và đã xuất khẩu dầu thô, nhưng lại gần như trước năm 2010 thì 100% xăng dầu được nhập khẩu. Nhưng ngành bán lẻ và nhập khẩu xăng dầu luôn luôn kêu lỗ, sau nhiều năm bù lỗ thì Nghị định 84 ra đời Nhà nước đã cắt lỗ cho xăng dầu bằng cách cho xăng dầu tăng giá khi nhập khẩu tăng. Song thực tế ngành xăng dầu chưa được quản lý theo cơ chế thị trường thì phần nhập khẩu gần như độc quyền, nhưng lại muốn kinh doanh theo cơ chế thị trường đầu bán lẻ. Tổng hợp lại giá xăng dầu do chủ quan và khách quan từ 2007 đến nay đã tăng khoảng 3 lần.

- *Về khai thác dầu thô*: là một ngành lợi nhuận rất cao do giá dầu thế giới tăng lên nhiều lần

- *Ngành than*: những năm vừa qua ngành than đều có lợi nhuận cao một phần do nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng, nhu cầu của các nước trong khu vực tăng nên giá của thế giới tăng theo, nhưng cũng có lúc than dùng cho một số ngành trừ ngành điện, thép ... thì các ngành khác đang phải mua than với giá cao hơn than của Indonesia và giá than từ

năm 2007 đến nay tăng không dưới 2,5 lần.

Về các sắc thuế và phụ thu

Trước 2007 thì thuế GTGT cho ngành cơ khí, chế tạo, chế biến và một loạt các ngành khác đều chỉ có 5% sau đó sắc thuế được sửa lại tăng lên 10% mà thuế GTGT là thuế đánh trực tiếp vào doanh nghiệp, phải nộp ngay còn sau một thời gian mới được khấu trừ, sắc thuế này làm doanh nghiệp tăng giá thành từ 6% trở lên. Một số loại thuế và phí khác cũng được đưa ra thi hành

Về giao thông vận tải

Giá thành vận tải từ năm 2007 đến giờ tăng lên khoảng 2,5 lần mà nguyên nhân do xăng dầu tăng lên, lãi suất tăng cao, giá nguyên vật liệu, xây dựng hạ tầng tăng lên, đến gần 60 trạm thu phí được nổ rộ trên các đường giao thông. (Ví dụ: Một xe chạy từ trạm thu phí Bắc Thăng Long đến trạm thu phí đường II, đường III, khoảng cách chỉ 20km). Ngoài việc mở các trạm thu phí thì phí đường cũng tăng lên theo, đường xá Việt Nam chất lượng thuộc loại thấp nhất các nước trong khu vực, nhưng Bộ GTVT đang đề nghị thu mức phí đường và phí sửa chữa bảo dưỡng đường vào loại cao của thế giới.

Về lao động tiền lương và BHXH

Trên Báo chí và dư luận thường bình luận nhiều rằng tiền lương của Việt Nam quá thấp và điều đó là sự thật, tuy nhiên việc tăng lương, tăng bảo hiểm những năm vừa rồi trái quy luật. Năm 2011 Bộ LĐTBXH đã đề nghị Thủ tướng Chính phủ ký nghị định tăng lương cho nhân viên khối sản xuất tăng 2 lần lương thì thiếu đáng lẽ phải có lộ trình. Điều này làm cho doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài bối rối vì trong khi năng suất lao động chưa tăng kịp, khi giá thành phải gánh nhiều phí dầu vào tăng cao thì việc tăng tiền lương tối thiểu kéo theo tăng BHXH, tăng BHYT làm cho nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng những lao động giản đơn, năng suất lao động rất thấp phải trả mức lương

BHXX, BHYT theo mức mới cũng là một trong những nguyên nhân làm cho doanh nghiệp sụp đổ. Mà một bất hợp lý nữa là khối sản xuất tăng 2 lần trong khi khối hành chính sự nghiệp tăng sau. Phần lớn các doanh nghiệp đều cho rằng Bộ LĐTBXH cần đề nghị Chính phủ đưa ra các biện pháp giúp doanh nghiệp tăng năng suất lao động rồi sau đó mới yêu cầu tăng lương cho người lao động. Trên thực tế thì trong kinh doanh, doanh nghiệp nào cũng muốn giữ lao động để đảm bảo sức cạnh tranh cho nên sẽ không thể trả lương thấp.

Và những ngành mang tính phục vụ như y tế, giáo dục với sức ép giá cả cũng tăng học phí, viện phí. Với vấn đề này các doanh nghiệp buộc phải tăng lương, tăng trợ cấp cho cán bộ, công nhân viên.

3. Các loại hình doanh nghiệp xét theo đặc điểm đầu tư và hoạt động

Nếu xét từ năm 2007 đến nay khi Việt Nam gia nhập WTO thì chúng ta thấy xuất hiện 3 loại hình doanh nghiệp với các phương thức đầu tư và đặc điểm hoạt động khác nhau.

Loại doanh nghiệp thứ nhất: Là các doanh nghiệp được đầu tư công nghệ hiện đại với quy mô thích hợp để đảm bảo được chất lượng của sản phẩm và giá thành cạnh tranh ở thị trường trong nước và thế giới.

Các doanh nghiệp loại này đầu tư trong thời kỳ năm 2009 và đầu năm 2010. Loại hình này phần lớn đầu tư theo dạng tái cơ cấu. Đầu tư tương đối lớn vào ông nghệ hiện đại hoặc tương đối hiện đại với mục đích đưa chất lượng sản phẩm lên cao, sản xuất hàng loạt để hạ giá thành và chiếm lĩnh thị trường. Loại doanh nghiệp I này đầu tư và 2 thời kỳ.

Loại đầu tư năm 2007 gặp ngay khó khăn vào năm 2008 và Nhà nước hỗ trợ vào năm 2009, một số đã thoát ra khỏi khó khăn năm 2008, 2009. Còn những doanh nghiệp đầu tư năm 2009 - đầu năm 2010 thì đã đầu tư mạnh dạn vì được Nhà nước hỗ trợ vốn lãi

suất 6% vào năm 2009. Theo tính toán của các doanh nghiệp này, đầu tư thẳng vào công nghệ hiện đại, nâng chất lượng sản phẩm ngang quốc tế, đưa năng suất lao động lên cao, nâng cao thu nhập của cán bộ nhân viên, nâng cao sức cạnh tranh từng bước với khu vực.

Về vốn phần vốn vay từ 40- 60% còn lại vốn chủ sở hữu. Nhưng đầu tư của những doanh nghiệp này gặp khó khăn từ giữa năm 2010 khi lãi suất tăng cao, đầu vào của các nguyên vật liệu tăng cao nên giá thành xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị đều tăng lên 1,5 đến 1,8 lần so với kế hoạch, dự toán ban đầu. Ví dụ: một doanh nghiệp cần đầu tư 1000 tỷ để xây dựng nhà xưởng và mua máy móc hiện đại, trong đó nguồn vay 500 tỷ, nguồn vốn vay bắt đầu được giải ngân từng tháng 5/ 2009 với số vốn vay là 500 tỷ nhưng lãi suất tăng cao của năm 2010, 2011, 2012 làm cho dư nợ 500 tỷ vốn vay gốc thành 750 tỷ nợ ngân hàng tính cả lãi. Nguyên vật liệu cũng tăng cao nên vốn chủ sở hữu từ 50% đã tụt dần xuống 40% vì lợi nhuận của các năm 2009, 2010, 2011, 2012 đều giảm dần trong những dây chuyền đang hoạt động. Lợi nhuận này nhiều lúc chỉ đủ để trả lãi ngân hàng ở một số doanh nghiệp may mắn. Còn nhiều doanh nghiệp phải sử dụng vốn vay và vốn chủ sở hữu để trả lãi Ngân hàng.

Loại hình này nếu được thành lập mới thì vay vốn ngân hàng khoảng 70%. Nếu được đầu tư tái cơ cấu thì vay vốn ngân hàng 50%, còn lại hy vọng sẽ dùng lợi nhuận của các dây chuyền sản xuất sản phẩm cũ trả lãi và trả gốc cho ngân hàng trong phạm vi 3- 5 năm. Loại này tập trung vào các ngành chế tạo, chế biến như cơ khí, sản xuất hàng hỗ trợ, xi măng, thép, đóng tàu ...

Loại doanh nghiệp thứ hai: Là các doanh nghiệp không cần đầu tư hoặc đầu tư nhỏ đấy là ngành ăn uống, lương thực thực phẩm (phân phối bán lẻ thịt, rau quả). Một số dịch vụ khác may mặc quần áo, cắt tóc, làm đẹp, trồng một số loại cây trồng chủ yếu

để bán trong nước như rau quả, nuôi một số loại gia cầm: lợn, bò ... với quy mô nhỏ.

Phần lớn loại hình doanh nghiệp này rơi vào giai đoạn đầu tư từ năm 2007 khi mà Việt Nam gia nhập WTO, các doanh nghiệp này mở rộng đầu tư để hội nhập với quy mô đầu tư nhỏ, công nghệ không hiện đại nếu phá sản thì tác động cũng không lớn.

Loại doanh nghiệp thứ ba Là loại hình doanh nghiệp nửa thị trường, nửa bao cấp như xăng dầu, điện, cầu đường ... và một số ngân hàng thương mại.

Những doanh nghiệp này cũng mạnh dạn đầu tư theo kế hoạch của Nhà nước, thường không có nguy cơ phá sản bởi có Nhà nước hỗ trợ. Ví dụ: ngành điện đầu tư nếu lỗ thì Nhà nước tìm cách bù lỗ, khoan nợ. Còn đời sống của Cán bộ công nhân viên vẫn có thu nhập thuộc loại cao. Ngành xăng dầu cũng tương tự như thế. Ngành ngân hàng thì từ năm 2007 đến giờ số lượng phát triển lên gấp 3 lần, mở ra một cuộc chạy đua đầu ra đầu vào thật náo loạn trên thị trường. Nhưng để cho các doanh nghiệp Ngân hàng sống được thì thời kỳ 5 năm vừa rồi Thống đốc Ngân hàng chỉ khống chế đầu vay vào (mệnh lệnh hành chính đầu vào) còn thả cửa cho đầu ra. Trong điều kiện cơ chế như thế thì chẳng ngân hàng nào đại gì mà không tăng cả 2 đầu vì lợi nhuận của mình. Đây là một bài học về điều hành ngân hàng theo kiểu nửa hành chính, nửa thị trường. Vừa qua Thống đốc Ngân hàng Nguyễn Văn Bình đang đưa ra những giải pháp để tái cấu trúc ngành ngân hàng, song với nền kinh tế việc tái cấu trúc ngân hàng đã quá muộn, đáng lẽ phải làm từ cuối năm 2010. Tái cấu trúc là biện pháp lâu dài, còn giải pháp hạ lãi suất ngân hàng theo nhịp độ mỗi tháng 0,5%- 1% từ nay đến tháng 9 theo nhịp độ giảm của tăng trưởng CPI là một biện pháp cứu nền kinh tế, cứu doanh nghiệp và cứu cả Ngân hàng. Theo chúng tôi từ 01/ 10 nếu lãi suất vay vốn của doanh nghiệp không nằm trong khoảng 8- 10% thì các giải pháp khác của Chính Phủ, của Bộ Tài chính không

dủ liều và lệch pha, thiếu đồng bộ.

4. Kiến nghị về một số giải pháp cứu doanh nghiệp

Trong thời gian tới những giải pháp mà Chính phủ đưa ra cần phải đồng bộ và phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp.

Trên thực tế thì các *doanh nghiệp loại thứ nhất* phần lớn đều có mục đích đúng đắn, họ dựa vào chính sách khuyến khích của Nhà nước được thể hiện bằng nhiều văn bản như ưu đãi sản xuất hàng cơ khí trọng điểm quốc gia, sản xuất hàng công nghệ cao, cơ khí chế tạo. Sản xuất các sản phẩm mũi nhọn và sản phẩm quốc gia. Đầu tư công nghệ hiện đại với nhiều dây chuyền sản xuất hàng loạt. Nhưng không may đối với các doanh nghiệp loại này là đang đầu tư dở dang, lãi suất tăng cao từ 2,5 đến 3 lần so với tính toán ban đầu, giá nguyên vật liệu, đất đai, xây dựng đều tăng lên, các loại thuế phí đều tăng lên làm cho tổng vốn dự toán đầu tư tăng lên nhiều so với dự toán. Khi đưa dây chuyền vào sản xuất thử do những nguyên nhân trên đây mà giá thành khó cạnh tranh với các doanh nghiệp trong khu vực và các doanh nghiệp FDI. Chính phủ cần có biện pháp, giải pháp khác đặc biệt hơn đối với các doanh nghiệp loại này. Một số biện pháp sau cần thực hiện:

1) Chính phủ cần chỉ thị cho các Bộ, địa phương thực hiện các quyết định, nghị định như: bù lãi suất cho doanh nghiệp, miễn giảm tiền thuê đất đai, mặt bằng như chính sách đã ban hành. Hạ thuế GTGT ở giai đoạn 5 năm đầu sản xuất từ 1- 5%. Và từ năm thứ 6 trở đi hãy nghiên cứu thuế GTGT của loại hình này bằng trung bình của các nước trong khu vực. Các doanh nghiệp này cần phải được vay vốn ngân hàng giảm dần và sau 01/ 09 sẽ không quá 8% (vẫn là gấp 2 lần mức trung bình của các nước trong khu vực). Điều này có thể làm được bởi vì giá xăng dầu, thế giới đã hạ, kinh tế đã giảm phát, thị trường có nhu cầu thấp vì thế CPI từ nay đến tháng 9 giảm dần. Chúng tôi dự

doán rằng CPI của tháng 9/ 2012 so với cùng kỳ 2011 khoảng 5- 6% nếu Nhà nước giữ ổn định giá điện và hạ giá xăng dầu, ổn một số nguồn đầu vào khác.

2) Đối với các doanh nghiệp đang đầu tư hoặc đầu tư xong đang sản xuất thử, doanh nghiệp chưa có lãi hoặc đang mở rộng tiếp thị từ 2- 5 năm nữa mới có lãi thì Nhà nước nên cho dẫn nợ bằng ngân sách chứ không phải bằng vốn ngân hàng. Vì nếu bằng vốn ngân hàng thì ngân hàng tính bằng nợ quá hạn, doanh nghiệp trả lãi suất cao hoặc không còn vốn thuê chấp.

Đối với các doanh nghiệp loại thứ hai thì giải pháp dân thuế GTGT, dân thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ để các doanh nghiệp tồn tại; các doanh nghiệp duy trì lao động có nghiệp vụ được hưởng lãi suất giảm dẫn đến 10% vào 1/9 năm 2012.

Đối với các doanh nghiệp loại thứ ba thì do được ưu đãi cho nên có rất nhiều lợi thế và ít gặp khó khăn. Với các doanh nghiệp năng lượng như dầu khí, điện thì vẫn là nửa bao cấp nửa thị trường, vẫn còn tình trạng độc quyền. Do tầm quan trọng của những doanh nghiệp này nên bằng cách gì Nhà nước cũng sẽ không để xảy ra tình trạng phá sản. Tuy nhiên Chính phủ cần kiểm soát chặt chẽ các doanh nghiệp này để tránh tình trạng tăng giá đột xuất gây khó khăn cho các doanh nghiệp khác.

Các doanh nghiệp xây dựng hạ tầng giao thông, bến cảng theo dự toán ban đầu thì giá thành các công trình sau 2 năm đều được NN duyệt tăng lên 20- 50% ví dụ đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình dự toán 20 triệu USD/ km, nhưng khi hoàn thành có thể lên 30 triệu USD. Và các công trình giao thông thì chất lượng không tăng lên mà giảm đi, như đường Cầu Giẽ- Ninh Bình mới chạy thử nhiều đoạn chạy 70km/ h xe đã xuống cấp nghiêm trọng, chắc chắn chất lượng cũng chỉ như đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, đến năm thứ 2, thứ 3 sẽ được sửa chữa

liên tục. Với loại doanh nghiệp này Nhà nước nên có cơ chế quản lý chặt chẽ hơn bằng luật pháp về chất lượng. Về giá thành nên công khai đấu thầu từng đoạn 5- 10 km với nhiều doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế với nhiều khả năng vốn khác nhau tham gia, làm như thế vừa đảm bảo tiến độ, chất lượng và giá thành.

Loại hình doanh nghiệp ngân hàng: song song với tái cơ cấu khi nào lãi suất đầu vào dưới 9% thì Thống đốc Ngân hàng nên để lãi suất đầu vào, đầu ra theo cơ chế thị trường. Phải chấp nhận cho phá sản những ngân hàng hoạt động thua lỗ do chính cách làm chủ quan của họ và ngành ngân hàng cần phải tái cơ cấu trong 2 năm 2012- 2013.

Ngày 10/5 năm 2012 vừa qua, Chính phủ chính thức ban hành Nghị quyết 13 về các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường. Thủ tướng thông qua gói hỗ trợ 29.000 tỷ đồng cho doanh nghiệp Quyết định này được đưa ra trong bối cảnh sản xuất kinh doanh trong những tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn, sức mua của thị trường giảm, nền kinh tế có tăng trưởng nhưng tốc độ tăng thấp hơn so cùng kỳ năm 2011. Theo đó, gói giải pháp này bao gồm việc gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với một số doanh nghiệp...

Các nguồn tiền mà Chính phủ sử dụng để đưa kinh tế ra khỏi suy thoái này đẩy tốc độ tăng trưởng lên để quỹ vốn có thể đạt 6- 7% thì hợp lý nhất là Chính phủ dùng tín phiếu của các Ngân hàng và điều hành tiền tệ nhạy cảm chứ không nên thắt chặt quá lâu rồi lại nới lỏng cũng quá lâu. Có thể giảm được lãi suất từng tháng một ở mức 0,5% - 1%/ tháng và khi cần thì điều chỉnh tăng theo từng tháng chứ không phải điều chỉnh theo từng quý, từng năm.

Rất mong Chính phủ lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp để có những điều chỉnh chính sách hợp lý.